

Ngày thi: 09/09/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	152317487	Nguyễn Thị	Phương	B16QTC	0		0		0				0	0.0	Không		
2	152357211	Trần Ngọc	Bích	B16QTC	0		0		0				0	0.0	Không		
3	152357255	Võ Thị Bích	Phương	B16QTC	0		0		0				0	0.0	Không		
4	152357273	Nguyễn Thị Hải	Trường	B16QTC	5		7.9		7				7	6.9	Sáu phẩy Chín		
5	162320299	Bùi Thị Khánh	Ly	B16QTC	10		7.1		8				9.7	9.0	Chín		
6	162320328	Đoàn Anh	Tâm	B16QTC	8		6.8		7				7.9	7.6	Bảy phẩy Sáu		
7	162330772	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	B16QTC	10		5.3		7.5				9.7	8.7	Tám phẩy Bảy		
8	162350448	Châu Ngọc Thạch	Anh	B16QTC	5		8.1		0				7.9	5.7	Năm phẩy Bảy		
9	162350449	Ngô Thị Lan	Anh	B16QTC	10		8.5		7				10	9.1	Chín phẩy Một		
10	162350450	Trương Thị Hoàng	Anh	B16QTC	8		8.3		8				6.7	7.3	Bảy phẩy Ba		
11	162350451	Võ Đức	Anh	B16QTC	5		8.1		6.5				9.7	8.3	Tám phẩy Ba		
12	162350452	Lưu Quốc	Ban	B16QTC	10		10		9				9.7	9.6	Chín phẩy Sáu		
13	162350453	Phạm Thị Ngọc	Bích	B16QTC	0		0		0				HP	0.0	Không		
14	162350454	Cao Ngọc	Cường	B16QTC	10		6.6		7.5				9.3	8.7	Tám phẩy Bảy		
15	162350455	Nguyễn Thị Phương	Danh	B16QTC	8		7.4		8.5				8	8.1	Tám phẩy Một		
16	162350456	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	B16QTC	8		8.2		7				7.9	7.7	Bảy phẩy Bảy		
17	162350457	Hồ Thị	Dung	B16QTC	10		9.1		7.5				8.3	8.4	Tám phẩy Bốn		
18	162350458	Lê Thị Ngọc	Dung	B16QTC	8		8.1		9				8	8.3	Tám phẩy Ba		
19	162350459	Phạm Thị Hồng	Dung	B16QTC	8		4.2		7.5				8.2	7.6	Bảy phẩy Sáu		
20	162350461	Trịnh	Duy	B16QTC	5		6.9		7				7.9	7.3	Bảy phẩy Ba		
21	162350464	Lê Quang	Giăng	B16QTC	5		7.1		9				8.6	8.2	Tám phẩy Hai		
22	162350465	Bùi Thái	Hà	B16QTC	3		3.6		6				7.9	6.5	Sáu phẩy Năm		
23	162350467	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	B16QTC	8		7.9		8				7.9	7.9	Bảy phẩy Chín		
24	162350470	Trần Thị Diệu	Hằng	B16QTC	0		0		0				HP	0.0	Không		
25	162350471	Hồ Thị Thủy	Hằng	B16QTC	8		5.3		0				HP	0.0	Không		
26	162350473	Nguyễn Minh	Hoa	B16QTC	8		8.3		9				9.3	9.0	Chín		
27	162350475	Hoàng Đình	Kết	B16QTC	8		4.6		6				9	7.7	Bảy phẩy Bảy		
28	162350480	Huỳnh Thị Thủy	Linh	B16QTC	10		6.5		8				8.3	8.2	Tám phẩy Hai		
29	162350482	Nguyễn Ly	Na	B16QTC	10		5.3		6.5				8.3	7.7	Bảy phẩy Bảy		
30	162350484	Lê Thị	Nga	B16QTC	10		8.5		7.5				9.3	8.8	Tám phẩy Tám		
31	162350485	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	B16QTC	5		3.3		7.5				8.3	7.3	Bảy phẩy Ba		
32	162350486	Lê Thị Quỳnh	Ngân	B16QTC	10		8.6		7				9.3	8.7	Tám phẩy Bảy		
33	162350487	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	B16QTC	0		0		0				HP	0.0	Không		
34	162350488	Dư Anh	Nguyễn	B16QTC	10		10		9				9.7	9.6	Chín phẩy Sáu		
35	162350492	Huỳnh Trần Thảo	Nhi	B16QTC	10		5.6		8				9	8.5	Tám phẩy Năm		
36	162350494	Lê Thị Mỹ	Phúc	B16QTC	3		7.3		7				8.6	7.5	Bảy phẩy Năm		
37	162350495	Bùi Đức	Phương	B16QTC	8		9.4		8				8.6	8.5	Tám phẩy Năm		
38	162350496	Lê Thị Thùy	Phương	B16QTC	8		8.2		7				7.1	7.3	Bảy phẩy Ba		
39	162350500	Phùng Anh	Quân	B16QTC	8		7.2		8				7.8	7.8	Bảy phẩy Tám		
40	162350501	Nguyễn Khánh Hạnh	Quỳnh	B16QTC	10		8.2		7.5				8.3	8.3	Tám phẩy Ba		
41	162350502	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	B16QTC	5		8.5		7.5				7.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
42	162350504	Huỳnh Thị Thảo	Sương	B16QTC	8		7.9		6.5				9	8.2	Tám phẩy Hai		
43	162350506	Nguyễn Văn	Thành	B16QTC	5		6.9		6				7.9	7.0	Bảy		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B16QTC												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ										ĐỢT HỌC		8
				MÃ HỌC PHẦN : FIN_400										TÍN CHỈ		2
Ngày thi: 09/09/2012														LẦN THI		1
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
44	162350507	Nguyễn Thị Bích	Thảo	B16QTC	0		4.2		8.5				7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
45	162350510	Nguyễn Thị Kim	Thoa	B16QTC	8		3.6		7.5				8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
46	162350512	Đậu Thanh	Thủy	B16QTC	10		8.8		9				10	9.6	Chín phẩy Sáu	
47	162350514	Nguyễn Thị Hoài	Thương	B16QTC	8		6.8		7				9	8.2	Tám phẩy Hai	
48	162350515	Nguyễn Việt	Tiếp	B16QTC	0		0		0				HP	0.0	Không	
49	162350516	Cao Thị Kiều	Trang	B16QTC	10		7.4		7.5				7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
50	162350517	Lương Thị Ngọc	Trang	B16QTC	10		6.8		6				9.7	8.5	Tám phẩy Năm	
51	162350518	Lê Uyên Bảo	Trâm	B16QTC	10		8.3		7.5				9.3	8.8	Tám phẩy Tám	
52	162350520	Nguyễn Tiến	Trung	B16QTC	8		6.6		6				8.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
53	162350521	Thái Anh	Tuấn	B16QTC	10		9.1		8.5				5.4	7.0	Bảy	
54	162350522	Trình Mạnh	Tường	B16QTC	0		0		0				HP	0.0	Không	
55	162350523	Phạm Trần Nhã	Uyên	B16QTC	10		7.2		6.5				9.7	8.7	Tám phẩy Bảy	
56	162350524	Nguyễn Thị Thúy	Vi	B16QTC	3		5.4		8				7.6	7.0	Bảy	
57	162350525	Trần Thị Ái	Việt	B16QTC	10		8.5		8.5				9.7	9.3	Chín phẩy Ba	
58	162350526	Trần Thị Kim	Yên	B16QTC	10		7.9		8.5				8.6	8.6	Tám phẩy Sáu	
59	162350528	Trần Nữ Tiểu	Yến	B16QTC	10		8.4		8.5				9.7	9.3	Chín phẩy Ba	
60	162520532	Lê Nguyên Thục	Anh	B16QTC	10		7.9		7				9.7	8.9	Tám phẩy Chín	
61	162520598	Nguyễn Xuân	Phước	B16QTC	10		7.2		8				7.9	8.1	Tám phẩy Một	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	52	85%	
2	Số sinh viên nợ	9	15%	
TỔNG CỘNG :		61	100%	

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 09 năm 2012

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẢNG 2	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)
Nguyễn T K Phươg	Phạm Hồng Phươg	Hồ Hà Đông	ThS. Nguyễn Hữu Phú